TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị Bích P, sinh năm 1974; HKTT: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; HKTT: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 04/3/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Bà Cao Thị Bích P và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương năm 2015.

Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nhưng đến đầu năm 2020 thì vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, ông T hay uống rượu đuổi đánh bà P làm cho đời sống vợ chồng ngày càng tẻ nhạt, không còn tình cảm và hạnh phúc. Từ năm 2020 thì hai vợ chồng đã không còn sống chung. Vì vậy, bà P làm đơn xin ly hôn với ông T.

- Con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà P không có ý kiến gì khác.

**** Trong quá trình tố tụng bị đơn trình bày :*** Ông Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn với bà Cao Thị Bích P. Vợ chồng không có con chung nên không không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Văn T xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 04/3/2021, bà Cao Thị Bích P có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T nên đây là vụ án *"Ly hôn*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Bà P khởi kiện ông T về việc ly hôn. Ông T hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, ngày 23/11/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Bà P trình bày, bà và ông T sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay xảy ra cãi vã ông T hay uống rượu đuổi đánh bà P làm cho đời sống vợ chồng ngày càng tẻ nhạt và không có hạnh phúc. Bà P xác định không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn với ông T. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà P thì ông T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, thể hiển bằng việc bà P yêu cầu xin ly hôn nhưng ông T đồng ý ly hôn, xin xét xử vắng vắng mặt mà không muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng nên hôn nhân giữa bà P và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc ly hôn với đối với ông Nguyễn Văn T.

[2.3] Về con chung: Bà P và ông T trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Bích P đối với ông Nguyễn Văn T về việc "Ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Bích P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Cao Thị Bích P chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045764 ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện D;
- UBND xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Quang Bảo